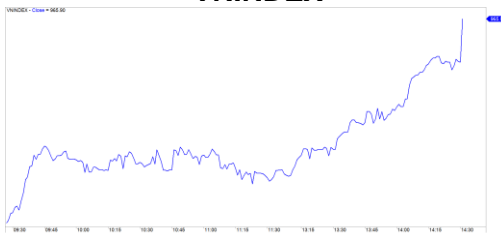


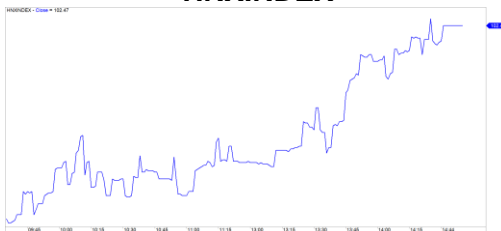
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	965.90	102.47	55.91
% ngày	1.31%	1.39%	0.68%
% tuần	-1.25%	-0.74%	-0.20%
% tháng	-5.53%	-3.87%	-1.20%
% năm	0.74%	-4.58%	4.78%
<b>GTGD (Tỷ VND)</b>			
Trong ngày	4,640	276	315
TB 1 tuần	4,903	305	334
TB 1 tháng	4,618	304	264
<b>Khối ngoại (Tỷ VND)</b>			
Mua	726.63	2.08	9.40
Bán	928.69	1.04	12.01
Giá trị ròng	-202.06	1.04	-2.62
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	182	68	193
Mã Giảm	104	46	110
Không Đổi	102	255	600
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	15.64	8.92	16.79
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,268	184	927
LS Cổ tức	1.71%	5.19%	5.25%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

### VNINDEX



### HNIINDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường ghi nhận phiên bật tăng mạnh ở tất cả chỉ số sau chuỗi phiên giảm sâu vừa qua. VN-Index đóng cửa tăng 1.31% dừng tại 965.9 điểm. HNX-Index tăng 1.4% chốt tại 102.47 điểm trong khi Upcom tăng 0.68%. Tuy tăng mạnh về giá nhưng dòng tiền đang là điểm trừ khi giá trị giao dịch khớp lệnh toàn thị trường chỉ đạt mức gần 3,700 tỷ đồng.

Đà tăng có sự chầm ngòi và dẫn dắt bởi nhóm Ngân hàng như VPB(+5.6%), CTG(+4.3%), TCB(+4%), STB(+3.6%), VCB(+3.3%), MBB(+3%), ACB(+2.2%) đáng chú ý HDB tăng kịch trần đóng cửa tại mức 27,300 đồng. Thông tin HDB sẽ mua lại hơn 49 triệu cp để làm cổ phiếu quỹ với thời gian thực hiện từ 12/12/2019 tới 10/01/2019. Cổ phiếu tâm điểm 2 phiên gần đây MSN tiếp tục bị xả mạnh bởi khối ngoại gần 4 triệu cp trong tổng cộng 5,5 triệu cổ khớp lệnh trên sàn. Kết thúc phiên MSN đóng cửa tại 62,500 thu hẹp đà giảm -2.6% nhờ lực đỡ trong phiên ATC. Các cổ phiếu Mid-Cap và Small-Cap cũng hưởng ứng đà tăng của thị trường khi VNMID Index và VNSML Index đều tăng lần lượt 0.63% và 0.58%.

Khối ngoại bán ròng mạnh với hơn 203 tỷ đồng tính chung cả ba sàn nhưng tập trung chủ yếu tại MSN(244.5 tỷ), VHM(25.6 tỷ), VNM(21.1 tỷ) là những mã bị rút ròng nhiều nhất. Ở chiều ngược lại, DHC(23.7 tỷ), HPG(18.7 tỷ) là các mã được mua ròng tích cực nhất.

## QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục hồi phục và kiểm định mức 975 điểm của chỉ số VN-Index trong phiên kế tiếp. Đồng thời, nếu đà hồi phục tiếp diễn trong phiên kế tiếp thì chúng tôi cho rằng đà giảm sẽ suy yếu, điểm tích cực chúng tôi nhận thấy là dòng tiền ngắn hạn đã cải thiện hơn cho thấy lực cầu giá thấp cải thiện. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục tăng cho thấy cơ hội giải ngân mới đã có chiều hướng gia tăng, nhưng xu hướng này vẫn chưa rõ ràng.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số với mức kháng cự ở mức 974.05 điểm của chỉ số VN-Index và 103.69 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, trên quan điểm thận trọng, các nhà đầu tư vẫn nên tiếp tục đứng ngoài và hạn chế bán ra ở vùng giá hiện tại. Đồng thời, nếu nhà đầu tư chấp nhận rủi ro thì có thể xem xét mua mới với tỷ trọng thấp dưới 30% nhằm thăm dò xu hướng thị trường.

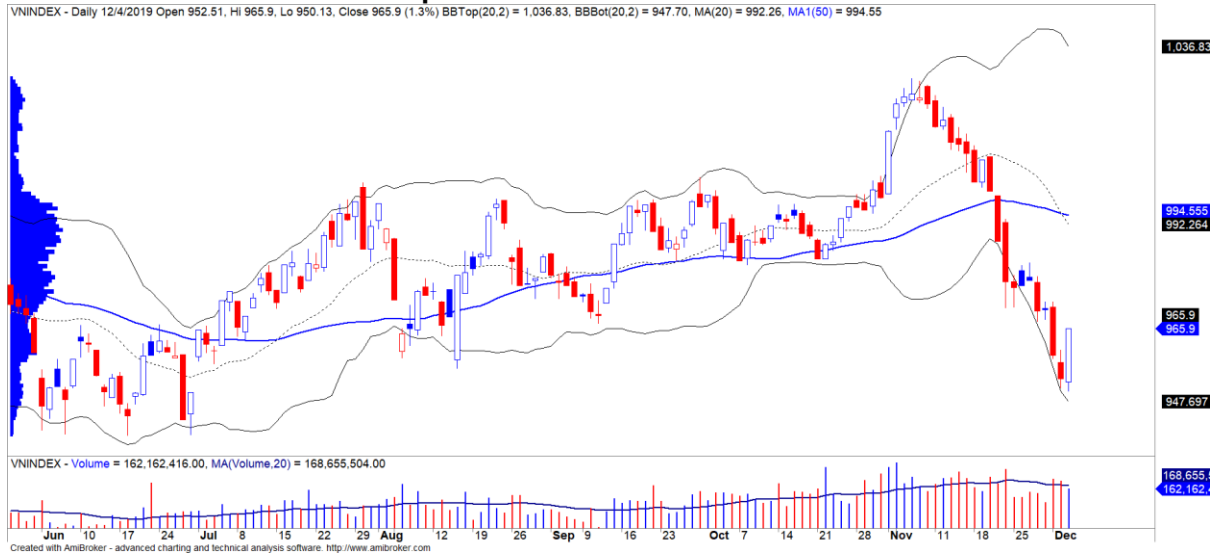
**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn:** 28% cổ phiếu/72% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	106	108	99	90
Chỉ số VN30	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	835	845	822	804

We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	13.85	GIẢM	GIẢM		14.64				16.24		
ACB	22.60	GIẢM	TĂNG		23.89			24.00	22.57	-5.83%	
ACV	73.80	GIẢM	GIẢM		76.19				82.57		
ANV	23.85	GIẢM	GIẢM		25.54				27.58		
ASM	6.25	GIẢM	GIẢM		6.63				7.26		
BFC	14.65	GIẢM	GIẢM		14.98				16.18		
BID	39.70	GIẢM	TĂNG		41.56			33.40	38.49	18.86%	
BMP	50.90	GIẢM	TĂNG		53.99			48.30	48.32	5.38%	
BSR	9.00	GIẢM	GIẢM		9.79				10.51		
BVH	66.70	GIẢM	GIẢM		72.08				75.79		
BWE	24.30	GIẢM	GIẢM		24.50				25.84		
CEO	9.00	GIẢM	GIẢM		9.46				10.17		
CII	22.70	GIẢM	TĂNG		24.59			24.45	22.23	-7.16%	
CMG	37.10	GIẢM	TĂNG		39.06			23.20	34.96	59.91%	
CMX	17.05	TĂNG	GIẢM	15.95	14.24	6.90%			21.36		
CSM	14.45	GIẢM	TĂNG		14.75			14.39	14.22	0.41%	
CTD	62.50	GIẢM	GIẢM		67.41				80.38		
CTG	19.60	GIẢM	GIẢM		20.90			22.00	20.78	-5.56%	BÁN
CTR	40.00	GIẢM	N/A		46.39			-	N/A		
CVT	20.15	GIẢM	GIẢM		21.64			20.35	21.01	3.25%	BÁN
DCM	6.80	GIẢM	GIẢM		7.00				7.49		
DGC	26.90	TĂNG	GIẢM	27.20	26.20	-1.10%			28.91		
DGW	23.25	GIẢM	GIẢM		24.73			23.50	24.07	2.42%	BÁN
DHA	32.10	TĂNG	GIẢM	31.85	28.64	0.78%			32.52		
DHC	42.00	TĂNG	TĂNG	33.00	38.49	27.27%		37.70	35.13	11.41%	
DHG	94.00	GIẢM	GIẢM		96.00				99.56		
DIG	13.00	GIẢM	GIẢM		13.67				15.08		
DPG	43.50	GIẢM	GIẢM		47.16				50.61		
DPM	12.80	GIẢM	GIẢM		13.61				15.14		
DPR	42.00	TĂNG	TĂNG	37.60	40.02	11.70%		41.30	40.40	1.69%	MUA
DQC	15.50	GIẢM	GIẢM		16.89				18.58		
DRC	22.80	GIẢM	TĂNG		23.34			21.60	21.72	5.56%	
DXG	13.80	GIẢM	GIẢM		15.12			15.50	14.86	-4.11%	BÁN
EIB	16.90	GIẢM	TĂNG		17.98			18.40	16.46	-8.15%	
FCN	10.00	GIẢM	GIẢM		10.35				12.09		



We Create Fortune

FMC	26.90	GIẢM	TĂNG		27.43			31.60	26.18	-14.87%	
FPT	54.50	GIẢM	GIẢM		57.96			46.00	54.99	19.54%	
GAS	97.20	GIẢM	GIẢM		102.98				109.55		
GEX	20.00	GIẢM	GIẢM		20.65				22.44		
GIL	18.70	GIẢM	GIẢM		19.39				21.85		
GMD	23.35	GIẢM	GIẢM		24.44				26.54		
GTN	21.70	TĂNG	TĂNG	21.70	21.10	0.00%	MUA	15.00	18.98	44.67%	
GVR	12.20	GIẢM	N/A		13.99				N/A		
HAG	3.61	GIẢM	GIẢM		3.96				4.55		
HAX	17.60	GIẢM	GIẢM		18.56				21.20		
HBC	11.35	GIẢM	GIẢM		11.61				13.10		
HCM	23.20	GIẢM	TĂNG		24.59			23.40	22.58	-0.85%	
HDB	25.55	GIẢM	GIẢM		27.29			28.00	27.29	-2.55%	BÁN
HDC	21.00	GIẢM	TĂNG		23.31			15.25	20.25	37.70%	
HDG	31.60	GIẢM	GIẢM		34.55			35.30	32.61	-7.62%	
HNG	14.45	GIẢM	GIẢM		14.96				16.29		
HPG	23.45	TĂNG	GIẢM	23.45	22.95	0.00%	MUA		23.82		
HSG	8.01	GIẢM	TĂNG		8.13			7.75	6.90	3.35%	
HT1	14.95	GIẢM	TĂNG		15.08			16.90	13.91	-11.54%	
HUT	2.50	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	4.17%			2.71		
HVN	35.40	TĂNG	GIẢM	34.95	33.57	1.29%			36.93		
KBC	14.60	GIẢM	TĂNG	14.90	15.09	1.27%	BÁN	15.35	13.91	-4.89%	
KDH	26.55	GIẢM	TĂNG		26.73			24.00	24.58	10.63%	
KSB	16.90	GIẢM	GIẢM		18.02				20.16		
LCG	8.00	GIẢM	GIẢM		8.63				9.32		
LDG	8.50	GIẢM	GIẢM		9.15				11.19		
LHG	15.30	GIẢM	GIẢM		16.03				16.89		
LPB	7.40	GIẢM	GIẢM		7.97				8.13		
MBB	21.55	GIẢM	GIẢM		22.70			21.85	21.83	-0.10%	
MPC	18.70	GIẢM	GIẢM		19.90				25.62		
MSN	64.20	GIẢM	GIẢM		72.39				78.75		
MSR	14.50	GIẢM	GIẢM		15.56				17.20		
MWG	109.20	GIẢM	GIẢM		113.12				127.09		
NDN	16.60	GIẢM	TĂNG		16.88			13.70	16.27	21.17%	
NKG	6.20	GIẢM	GIẢM		6.30				6.45		
NLG	27.50	GIẢM	TĂNG		28.29			28.70	26.73	-4.18%	
NT2	22.55	GIẢM	GIẢM		23.02				24.51		
NTL	22.65	GIẢM	GIẢM		24.02				24.88		
NVL	56.20	GIẢM	GIẢM		58.34				62.41		



We Create Fortune

OIL	9.00	GIẢM	GIẢM		9.70				11.12		
PAC	27.05	GIẢM	GIẢM		27.15				29.55		
PC1	17.65	GIẢM	GIẢM		18.92			19.30	18.48	-4.25%	BÁN
PDR	26.40	TĂNG	TĂNG	26.40	26.30	0.00%	MUA	29.00	25.01	-8.97%	
PHR	54.60	GIẢM	GIẢM	59.80	58.18	-2.71%	BÁN		65.37		
PLX	55.90	GIẢM	GIẢM		59.21				61.98		
PNJ	81.00	GIẢM	TĂNG		83.52			104.00	78.71	-22.12%	
POW	12.40	GIẢM	GIẢM		13.33				13.98		
PVT	16.70	GIẢM	TĂNG		17.78			18.30	16.28	-8.74%	
PPC	27.30	TĂNG	GIẢM	28.30	26.75	-3.53%			28.36		
PTB	72.80	GIẢM	TĂNG		74.81			64.00	68.51	13.75%	
PVB	19.00	GIẢM	TĂNG		19.67			20.10	18.62	-5.47%	
PVD	14.85	GIẢM	GIẢM		15.87				18.05		
PVI	31.40	TĂNG	GIẢM	33.20	31.14	-5.42%			34.84		
PVS	16.90	GIẢM	GIẢM		17.91				20.66		
PXS	5.68	TĂNG	TĂNG	4.76	5.61	19.33%		6.20	4.83	-8.39%	
QNS	29.60	GIẢM	TĂNG		30.23			33.80	28.38	-12.43%	
REE	35.70	GIẢM	TĂNG		37.46			33.33	35.23	7.13%	
SAB	229.10	GIẢM	GIẢM		240.04				269.11		
SAM	8.08	GIẢM	TĂNG		8.14			7.40	7.58	9.19%	
SCR	5.71	GIẢM	GIẢM		5.84				6.17		
SHI	8.93	GIẢM	TĂNG		9.22			6.99	8.30	27.75%	
SJS	16.10	GIẢM	GIẢM		17.90				16.88		
SKG	11.05	GIẢM	GIẢM		11.33				11.70		
SSI	19.30	GIẢM	GIẢM		20.39				22.27		
STB	9.75	GIẢM	GIẢM		10.43				11.09		
TCB	22.55	GIẢM	GIẢM		23.72			22.65	23.03	1.69%	BÁN
TCM	19.25	GIẢM	GIẢM		20.58				22.91		
TDH	9.65	GIẢM	GIẢM		10.10				11.30		
TLH	4.30	TĂNG	GIẢM	4.06	4.09	5.91%			4.43		
TNG	15.00	TĂNG	GIẢM	15.10	14.47	-0.66%			16.69		
VCB	82.00	GIẢM	GIẢM		88.18			62.00	84.02	35.51%	
VCG	27.10	TĂNG	TĂNG	27.00	26.57	0.37%		19.20	25.21	41.15%	
VCS	76.40	GIẢM	GIẢM		83.69				99.68		
VGC	18.35	GIẢM	GIẢM		18.87				19.90		
VGT	8.10	GIẢM	GIẢM		8.48				9.29		
VHC	79.00	TĂNG	GIẢM	78.40	75.65	0.77%			85.35		
VHM	91.80	GIẢM	TĂNG		95.20			90.20	89.66	1.77%	
VIB	16.60	GIẢM	TĂNG		17.67			17.70	16.56	-6.21%	

We Create Fortune

VIC	115.00	GIẢM	TĂNG		118.10			112.00	113.76	2.68%	
VIP	5.00	GIẢM	GIẢM		5.09				5.30		
VJC	145.40	TĂNG	TĂNG	139.40	143.49	4.30%		124.50	137.02	16.79%	
VND	13.80	TĂNG	GIẢM	14.10	13.72	-2.13%			14.88		
VNG	22.00	TĂNG	GIẢM	21.30	20.77	3.29%			22.34		
VNM	116.40	GIẢM	GIẢM		124.30				132.88		
VPB	18.70	GIẢM	GIẢM		20.64				22.57		
VPI	41.00	GIẢM	TĂNG		42.10			41.30	39.68	-0.73%	
VRC	23.00	TĂNG	TĂNG	16.05	21.42	43.30%		17.30	16.55	32.95%	
VRE	34.00	GIẢM	TĂNG		35.05			35.05	32.08	-3.00%	
VSC	23.65	GIẢM	GIẢM		25.19				27.86		

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGECAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	23.10	GIẢM	TĂNG		23.69			24.00	22.57	-3.75%	
BID	40.35	GIẢM	TĂNG		41.27			33.40	38.49	20.81%	
BSR	9.20	GIẢM	GIẢM		9.64				10.51		
BVH	66.80	GIẢM	GIẢM		70.23				75.79		
CTG	20.45	GIẢM	GIẢM		20.55			22.00	20.78	-5.56%	BÁN
FPT	55.40	GIẢM	TĂNG		56.79			40.23	54.99	37.72%	
GAS	99.30	GIẢM	GIẢM		101.89				109.55		
GEX	20.00	GIẢM	GIẢM		20.48				22.44		
GVR	12.60	GIẢM	N/A		13.50				N/A		
HDB	27.30	TĂNG	TĂNG	27.30	26.79	0.00%	MUA	28.00	27.29	-2.50%	BÁN
HNG	14.50	GIẢM	GIẢM		14.96				16.29		
HPG	23.45	TĂNG	GIẢM	23.45	22.32	0.00%			23.82		
HVN	35.50	TĂNG	GIẢM	34.95	33.66	1.57%			36.93		
KDH	26.75	TĂNG	TĂNG	26.75	26.73	0.00%	MUA	24.00	24.58	11.46%	
MBB	22.20	GIẢM	TĂNG		22.26			19.72	21.83	12.58%	
MSN	62.50	GIẢM	GIẢM		70.06				78.75		
MWG	113.00	GIẢM	GIẢM		113.12				127.09		
NVL	56.40	GIẢM	GIẢM		57.70				62.41		
OIL	9.60	GIẢM	GIẢM		9.61				11.12		
PLX	57.00	GIẢM	GIẢM		58.09				61.98		
PNJ	82.40	GIẢM	TĂNG		82.79			77.07	78.71	6.91%	
POW	12.70	GIẢM	GIẢM		13.03				13.98		

We Create Fortune

QNS	29.50	GIẢM	TĂNG		30.23			33.26	28.38	-11.30%	
REE	36.30	GIẢM	TĂNG		37.19			33.33	35.23	8.93%	
ROS	24.20	GIẢM	GIẢM		25.39				27.61		
SBT	18.55	GIẢM	TĂNG		18.78			17.50	17.46	6.00%	
SSI	19.80	GIẢM	GIẢM		20.10				22.27		
STB	10.10	GIẢM	GIẢM		10.28				11.09		
TCB	23.45	TĂNG	TĂNG	23.45	23.44	0.00%	MUA	22.65	23.03	3.53%	BÁN
TPB	21.90	GIẢM	GIẢM		22.29				23.94		
VCB	84.70	GIẢM	TĂNG		86.91			62.00	84.02	36.61%	
VCG	27.10	TĂNG	TĂNG	27.00	26.57	0.37%		18.44	25.21	46.95%	
VCS	78.70	GIẢM	GIẢM		80.64				99.68		
VEA	47.60	GIẢM	GIẢM		49.93				59.45		
VGI	25.30	GIẢM	N/A		27.15				N/A		
VHM	91.80	GIẢM	TĂNG		94.81			89.13	89.66	3.00%	
VIB	17.00	GIẢM	TĂNG		17.67			15.00	16.56	13.30%	
VIC	115.50	GIẢM	TĂNG		118.10			112.00	113.76	3.13%	
VJC	145.50	TĂNG	TĂNG	139.40	143.49	4.38%		124.50	137.02	16.87%	
VNM	118.80	GIẢM	GIẢM		121.35				132.88		
VPB	19.75	GIẢM	GIẢM		19.96				22.57		
VRE	34.10	GIẢM	TĂNG		35.05			35.05	32.08	-2.71%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	13.90	GIẢM	GIẢM		14.53				16.24		
ANV	22.35	GIẢM	GIẢM		25.15				27.58		
ASM	6.46	GIẢM	GIẢM		6.57				7.26		
BMI	25.70	GIẢM	TĂNG		26.78			26.70	23.99	-3.75%	
BMP	49.70	GIẢM	TĂNG		51.13			48.30	48.32	2.90%	
BWE	24.30	GIẢM	GIẢM		24.50				25.84		
CEO	8.90	GIẢM	GIẢM		9.37				10.17		
CII	22.70	GIẢM	TĂNG		24.32			24.45	22.23	-7.16%	
CRE	24.05	GIẢM	GIẢM		24.40				25.39		
CTI	22.30	GIẢM	GIẢM		23.30			25.05	22.66	-9.54%	
CTR	41.00	GIẢM	GIẢM		44.26				53.42		
D2D	75.00	GIẢM	TĂNG		80.66			83.10	73.17	-9.75%	
DBD	58.00	GIẢM	TĂNG		60.58			38.65	54.36	50.06%	



We Create Fortune

DCM	6.80	GIẢM	GIẢM		6.97			7.49		
DGW	23.75	GIẢM	GIẢM		24.40		23.04	24.07	4.47%	BÁN
DHC	42.20	TĂNG	TĂNG	33.00	39.72	27.88%	37.70	35.13	11.94%	
DIG	13.35	GIẢM	GIẢM		13.67			15.08		
DPG	44.00	GIẢM	GIẢM		46.25			50.61		
DPM	12.80	GIẢM	GIẢM		13.51			15.14		
DRC	22.90	GIẢM	TĂNG		23.34		21.60	21.72	6.02%	
DXG	14.00	GIẢM	GIẢM		14.93		15.50	14.86	-4.11%	BÁN
E1VFN30	14.75	GIẢM	GIẢM		14.94		15.26	14.84	-2.74%	BÁN
FCN	10.00	GIẢM	GIẢM		10.35			12.09		
FLC	4.58	TĂNG	TĂNG	4.61	4.31	-0.65%	4.63	4.02	-1.08%	
GEG	27.65	TĂNG	TĂNG	28.10	27.46	-1.60%	12.50	25.77	121.16%	
GMD	23.50	GIẢM	GIẢM		24.09			26.54		
GTN	21.05	TĂNG	TĂNG	21.70	20.08	-3.00%	15.00	18.98	40.33%	
HAG	3.63	GIẢM	GIẢM		3.83			4.55		
HBC	11.30	GIẢM	GIẢM		11.61			13.10		
HCM	24.15	GIẢM	TĂNG		24.54		23.40	22.58	3.21%	
HDC	21.60	GIẢM	TĂNG		22.79		15.25	20.25	41.64%	
HDG	31.60	GIẢM	GIẢM		33.86		35.30	32.61	-7.62%	
HPX	26.30	TĂNG	#N/A	27.50	25.87	-4.36%	35.30	#N/A	#N/A	
HSG	8.10	GIẢM	TĂNG		8.13		7.75	6.90	4.52%	
HT1	14.80	GIẢM	TĂNG		15.08		16.90	13.91	-12.43%	
HTM	16.00	TĂNG	GIẢM	16.00	14.84	0.00%		18.47		
IBC	20.30	GIẢM	GIẢM		20.86			21.22		
IDI	5.19	GIẢM	GIẢM		5.33		7.53	5.22	-30.66%	
IJC	14.90	GIẢM	TĂNG		15.71		13.10	13.74	13.74%	
ITA	2.95	GIẢM	GIẢM		3.13		3.20	2.96	-7.50%	
KBC	14.75	GIẢM	TĂNG	14.90	15.63	4.89%	BÁN	14.85	13.91	-0.65%
KDC	19.30	GIẢM	TĂNG		20.11		21.90	18.08	-11.87%	
KOS	28.30	TĂNG	TĂNG	26.80	26.82	5.60%	26.30	25.20	7.60%	
KSB	16.90	GIẢM	GIẢM		17.91			20.16		
LDG	8.90	GIẢM	GIẢM		9.15			11.19		
LPB	7.40	GIẢM	GIẢM		7.78			8.13		
MBG	35.80	GIẢM	GIẢM		39.12			56.66		
MBS	15.40	TĂNG	GIẢM	14.70	14.18	4.76%		15.75		
MPC	18.40	GIẢM	GIẢM		19.90			25.62		
NBB	20.35	GIẢM	GIẢM	20.85	20.44	-1.95%	BÁN	22.02		
NKG	6.22	GIẢM	GIẢM		6.30			6.45		

We Create Fortune

NLG	27.55	GIẢM	TĂNG		28.26			26.28	26.73	4.83%	
NT2	22.55	GIẢM	GIẢM		23.02				24.51		
NTL	23.05	GIẢM	GIẢM		24.02				24.88		
NVB	9.10	TĂNG	TĂNG	7.60	8.78	19.74%		8.50	8.20	7.06%	
OGC	3.51	GIẢM	GIẢM		3.79				4.27		
PC1	18.40	GIẢM	GIẢM		18.60			19.30	18.48	-4.25%	BÁN
PDR	27.00	TĂNG	TĂNG	26.40	25.58	2.27%		23.59	25.01	14.43%	
PHR	55.00	GIẢM	GIẢM		57.32				65.37		
PPC	27.35	TĂNG	GIẢM	28.30	26.75	-3.36%			28.36		
PTB	73.60	GIẢM	TĂNG		74.81			60.78	68.51	21.09%	
PVD	15.20	GIẢM	GIẢM		15.68				18.05		
PVI	31.40	TĂNG	GIẢM	33.20	31.14	-5.42%			34.84		
PVS	17.20	GIẢM	GIẢM		17.79				20.66		
PVT	16.80	GIẢM	TĂNG		17.61			17.31	16.28	-2.92%	
QCG	4.17	GIẢM	GIẢM		4.47				5.06		
SCR	6.10	TĂNG	GIẢM	6.10	5.84	0.00%	MUA		6.17		
SGP	7.80	GIẢM	GIẢM		8.24				10.69		
SHB	6.10	GIẢM	GIẢM		6.33				6.86		
SHS	7.80	GIẢM	TĂNG		8.15			8.40	7.36	-7.14%	
SZC	16.50	GIẢM	#N/A		17.48				#N/A		
TCH	29.00	TĂNG	TĂNG	23.30	26.88	24.46%		26.15	22.98	10.90%	
TCM	19.50	GIẢM	GIẢM		20.20				22.91		
TDH	9.72	GIẢM	GIẢM		10.04				11.30		
TNG	15.10	TĂNG	GIẢM	15.10	14.47	0.00%			16.69		
TTB	5.90	GIẢM	GIẢM		7.90				14.61		
VGC	18.40	GIẢM	GIẢM		18.87				19.90		
VGT	8.10	GIẢM	GIẢM		8.48				9.29		
VHC	79.10	TĂNG	GIẢM	78.40	76.14	0.89%			85.35		
VND	13.85	TĂNG	GIẢM	14.10	13.72	-1.77%			14.88		
VNG	21.90	TĂNG	GIẢM	21.30	20.84	2.82%			22.34		
VPI	41.60	GIẢM	TĂNG		42.10			41.30	39.68	0.73%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	8.50	GIẢM	GIẢM		8.74				9.89		
AGR	3.55	GIẢM	GIẢM		3.82				4.55		



We Create Fortune

AMD	1.96	TĂNG	TĂNG	1.77	1.66	10.73%		1.70	1.47	15.29%	
APG	9.90	TĂNG	TĂNG	8.76	9.35	13.01%		9.90	8.56	0.00%	
ART	2.20	TĂNG	GIẢM	2.00	1.98	10.00%			2.25		
BCG	8.20	GIẢM	TĂNG		8.81			6.39	7.47	28.33%	
C4G	5.50	GIẢM	GIẢM		5.99				7.52		
C69	10.00	GIẢM	GIẢM		12.03				19.39		
CCL	7.30	TĂNG	GIẢM	6.80	6.91	7.35%		7.88	7.83	-0.69%	MUA
CVT	20.50	GIẢM	GIẢM		21.40			20.35	21.01	3.25%	BÁN
DAH	9.71	GIẢM	GIẢM		9.97				11.27		
DLG	1.47	GIẢM	GIẢM		1.58				1.65		
DRH	4.44	GIẢM	GIẢM		4.89				6.06		
DTD	11.10	GIẢM	GIẢM		12.05				14.33		
EVG	2.68	TĂNG	GIẢM	2.78	2.65	-3.60%			2.90		
FIT	5.70	TĂNG	TĂNG	4.49	4.96	26.95%		3.64	3.79	56.59%	
FTM	2.76	TĂNG	GIẢM	3.06	2.72	-9.80%			5.42		
FUES SV50	12.80	GIẢM	GIẢM		12.93				13.68		
GKM	15.20	TĂNG	GIẢM	15.00	14.91	1.33%			15.51		
HAH	12.30	GIẢM	GIẢM		12.90				14.24		
HAI	2.89	TĂNG	TĂNG	1.69	2.26	71.01%		1.88	1.86	53.72%	
HAR	3.95	GIẢM	TĂNG		3.97			3.90	3.28	1.28%	
HDA	10.60	GIẢM	GIẢM		11.08				12.03		
HHP	11.80	TĂNG	GIẢM	12.20	11.54	-3.28%			13.51		
HHS	3.11	GIẢM	TĂNG	3.29	3.16	-4.06%	BÁN	3.36	2.94	-7.44%	
HID	2.19	GIẢM	TĂNG		2.38			2.63	2.16	-16.73%	
HII	9.99	GIẢM	GIẢM		10.41				11.61		
HQC	1.00	GIẢM	GIẢM		1.04				1.18		
HSL	7.58	GIẢM	GIẢM		7.84				8.88		
HUT	2.50	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	4.17%			2.71		
HVG	8.77	TĂNG	TĂNG	7.82	7.73	12.15%		3.90	6.00	124.87%	
HVH	17.55	TĂNG	GIẢM	18.20	17.48	-3.57%			20.24		
IDJ	6.80	GIẢM	TĂNG		7.37			7.20	5.42	-5.56%	
JVC	4.43	TĂNG	GIẢM	4.35	4.08	1.84%			4.75		
KLF	1.50	TĂNG	TĂNG	1.40	1.11	7.14%			1.48		
LCG	8.11	GIẢM	GIẢM		8.58				9.32		
LGL	8.95	GIẢM	TĂNG		9.39			7.11	8.39	25.82%	
LHG	15.30	GIẢM	GIẢM		15.87				16.89		
LMH	12.50	GIẢM	#N/A		12.79				#N/A		
MST	5.10	TĂNG	TĂNG	3.80	4.23	34.21%		3.40	3.40	50.00%	



We Create Fortune

NDN	16.70	GIẢM	TĂNG		16.88			13.10	16.27	27.44%	
PHC	11.35	GIẢM	TĂNG		11.89			14.20	11.21	-20.07%	
PLP	10.00	GIẢM	GIẢM		10.28				11.73		
PVB	19.00	GIẢM	TĂNG		19.60			19.42	18.62	-2.15%	
PVC	7.20	GIẢM	TĂNG		7.49			6.70	6.66	7.46%	
PVX	1.10	GIẢM	GIẢM		1.37				1.50		
PXL	8.40	TĂNG	TĂNG	5.50	7.94	52.73%		6.70	5.73	25.37%	
SHI	8.93	GIẢM	TĂNG		9.22			5.77	8.30	54.90%	
SJF	2.20	GIẢM	GIẢM		2.39				2.79		
SPP	2.00	GIẢM	GIẢM		2.20				2.86		
TDC	8.22	GIẢM	GIẢM		8.55			7.05	8.48	20.20%	BÁN
TIG	6.50	TĂNG	TĂNG	6.20	5.99	4.84%		3.20	4.54	103.13%	
TLH	4.30	TĂNG	GIẢM	4.06	4.09	5.91%			4.43		
TNA	24.75	TĂNG	TĂNG	13.70	21.87	80.66%		11.45	17.76	116.14%	
TNI	10.70	TĂNG	GIẢM	10.20	10.36	4.90%		10.90	10.89	-0.06%	MUA
TSC	2.58	GIẢM	GIẢM		2.89				4.10		
TTF	2.82	TĂNG	GIẢM	2.95	2.75	-4.41%			3.21		
TTH	2.60	GIẢM	GIẢM		2.81				3.15		
TVC	16.70	TĂNG	TĂNG	16.90	16.46	-1.18%		14.30	14.38	16.78%	
VC3	17.00	GIẢM	TĂNG	16.50	17.06	3.41%	BÁN	22.00	16.32	-22.73%	
VCR	14.70	TĂNG	GIẢM	14.60	12.68	0.68%			20.06		
VNA	3.60	GIẢM	GIẢM		4.19			4.70	3.92	-16.50%	
VNE	3.55	GIẢM	GIẢM		3.66				3.70		
VRC	23.20	TĂNG	TĂNG	16.05	21.44	44.55%		17.30	16.55	34.10%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	965.9	1.31%
VN30	883.56	1.71%
VN Mid	945.22	0.63%
VN Small	782.03	0.58%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	102.47	1.39%
HN30	179.65	1.17%
VNX AllSh	854.39	1.34%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	55.91	0.68%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	726.63	
Bán	928.69	
GT rỗng	-202.06	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	2.08	
Bán	1.04	
GT rỗng	1.04	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	9.40	
Bán	12.01	
GT rỗng	-2.62	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HDB	1750	6.85%
SCR	390	6.83%
VPB	1050	5.61%
LDG	400	4.71%
TNA	1050	4.43%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
MBG	3200	9.82%
NET	3600	9.33%
VCS	2300	3.01%
ACB	500	2.21%
PVS	300	1.78%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
OIL	500	5.49%
PXL	300	3.70%
MCH	2900	3.66%
VGI	800	3.27%
BSR	200	2.22%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
ANV	-1500	-6.29%
DCL	-800	-3.29%
GTN	-650	-3.00%
MSN	-1700	-2.65%
IBC	-500	-2.40%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TVC	-300	-1.76%
CEO	-100	-1.11%
NTP	-300	-0.94%
VC3	-100	-0.58%
PVI	0	0.00%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NHH	-800	-1.75%
MPC	-300	-1.60%
QNS	-100	-0.34%
VEA	-100	-0.21%
PRT	0	0.00%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	394,443	
VHM	307,485	
VCB	304,128	
VNM	202,696	
GAS	186,036	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	37,437	
VCS	12,224	
VCG	11,970	
PVS	8,078	
PVI	7,257	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	161,065	
VGI	74,522	
VEA	63,436	
MCH	55,897	
GVR	49,796	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	43,143,890	31,236,707
VPB	9,041,040	3,873,050
VRE	6,786,290	5,739,588
HPG	6,117,700	7,629,955
SCR	5,992,670	3,686,928

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
KLF	4,380,445	716,518
ART	1,851,316	807,855
SHB	1,607,587	2,643,138
NVB	1,521,200	1,520,230
ACB	1,314,925	2,019,656

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
T12	7,200,200	684,386
OIL	1,921,700	379,339
BSR	1,904,333	2,112,726
PRT	1,400,000	191,945
DCR	682,500	31,091

Nguồn: Bloomberg & YSVN

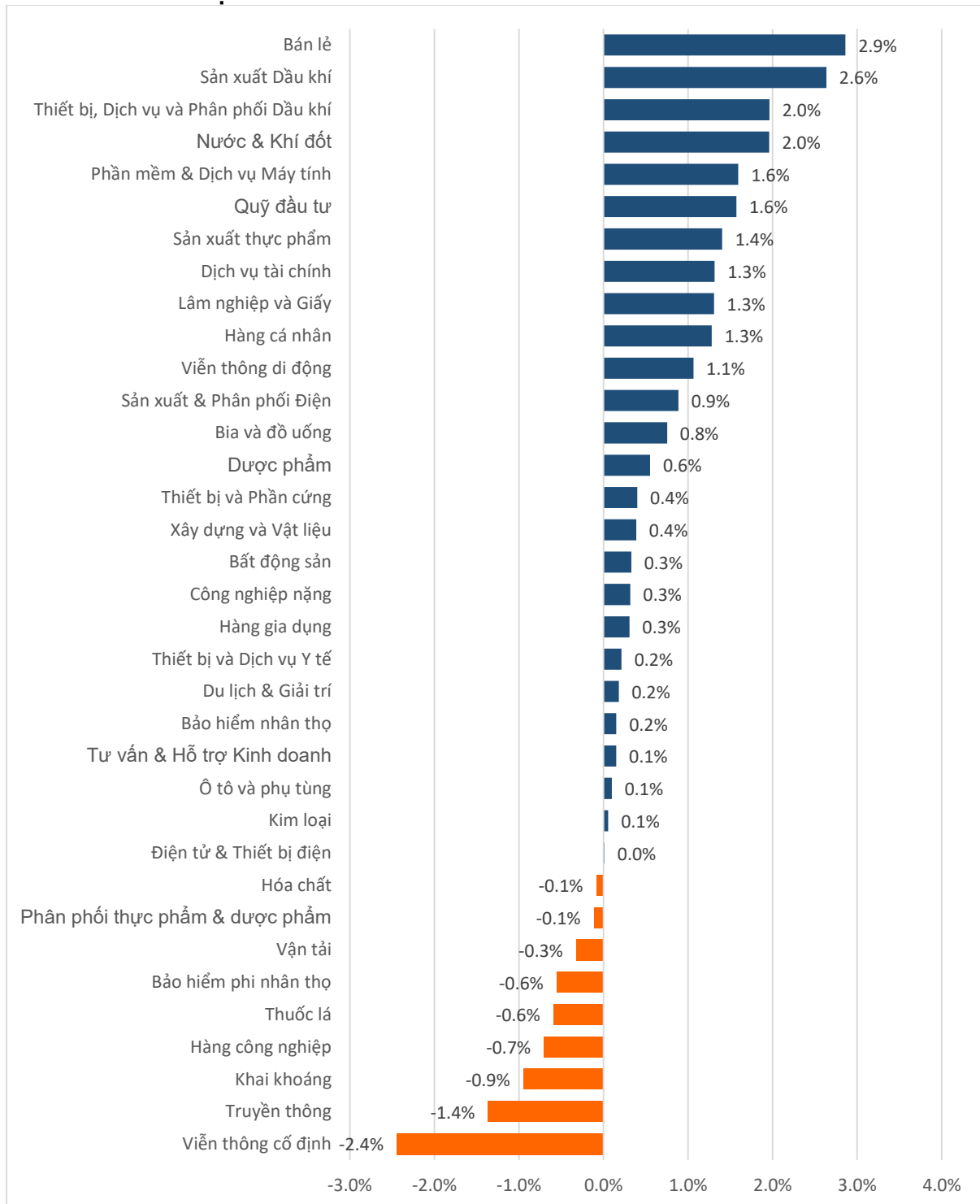
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



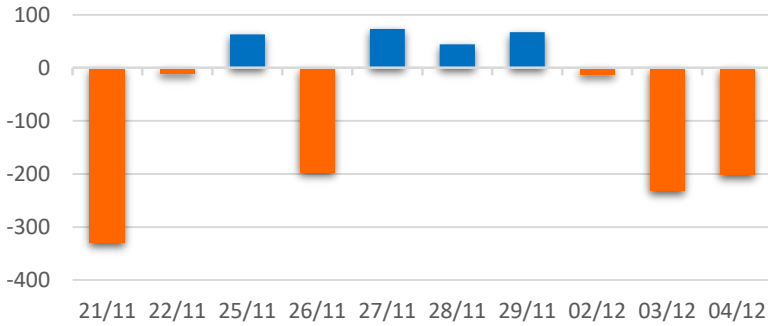
Nguồn: FiiPro – YSVN



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

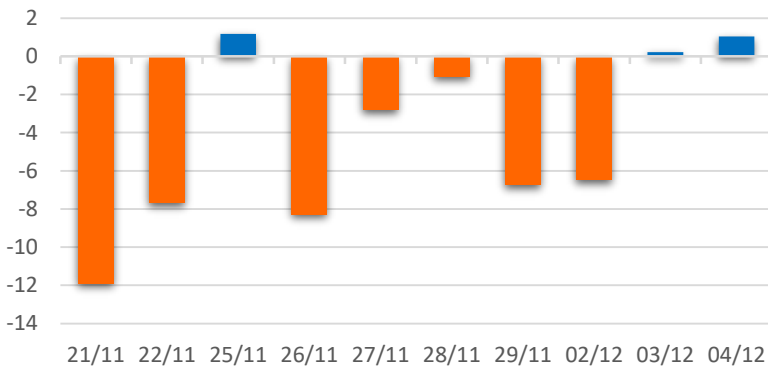
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
DHC	23,723	MSN	244,527
HPG	18,786	VHM	25,609
CTG	16,975	VNM	21,112
HDB	13,115	PVD	11,308
KDH	7,112	VRE	8,100

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

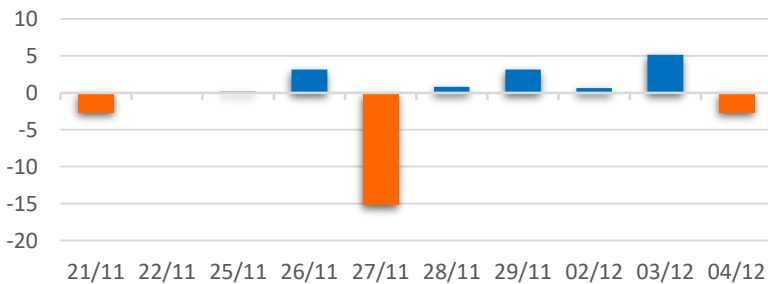
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
SHB	801	INN	253
SLS	418	DGC	185
TIG	268	LHC	62
VMC	98	SHS	58
HCC	76	PVS	44

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại  
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VTP	2,815	VEA	3,049
LPB	2,028	ACV	2,509
QNS	1,401	HND	2,445
GVR	855	BSR	2,203
SKH	134	OIL	662

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



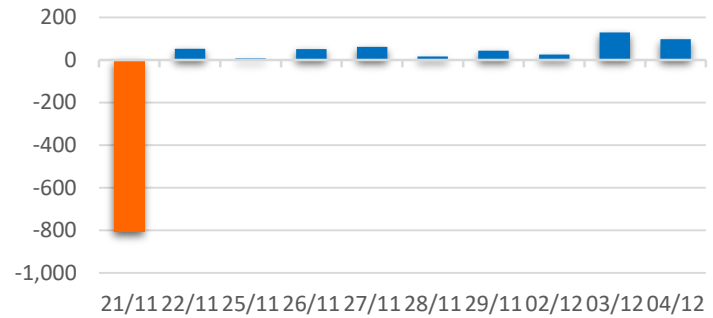
We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

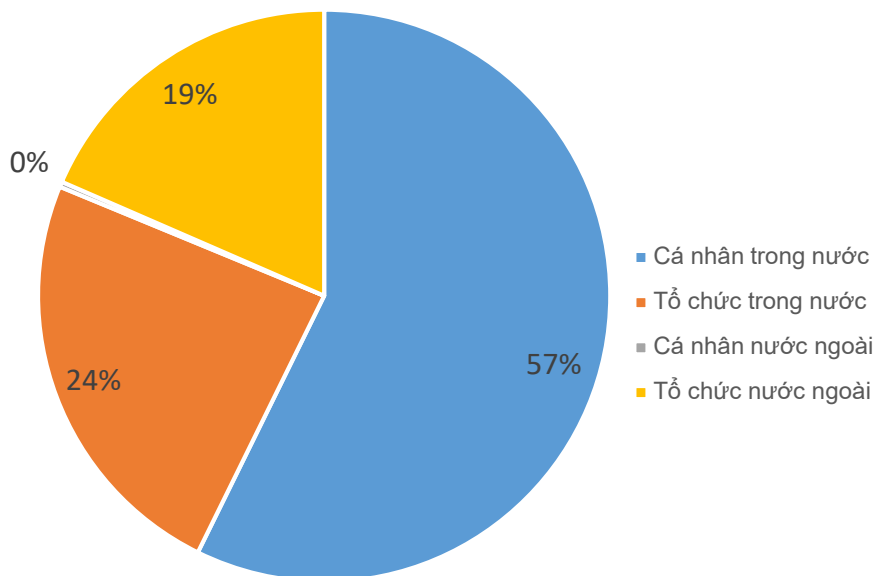
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
<b>MSN</b>	21,158	<b>FPT</b>	6,543
<b>MBB</b>	18,324	<b>MWG</b>	6,084
<b>MWG</b>	13,079	<b>HPG</b>	5,825
<b>VNM</b>	12,436	<b>KDH</b>	4,893
<b>COM</b>	10,640	<b>MSN</b>	3,829

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

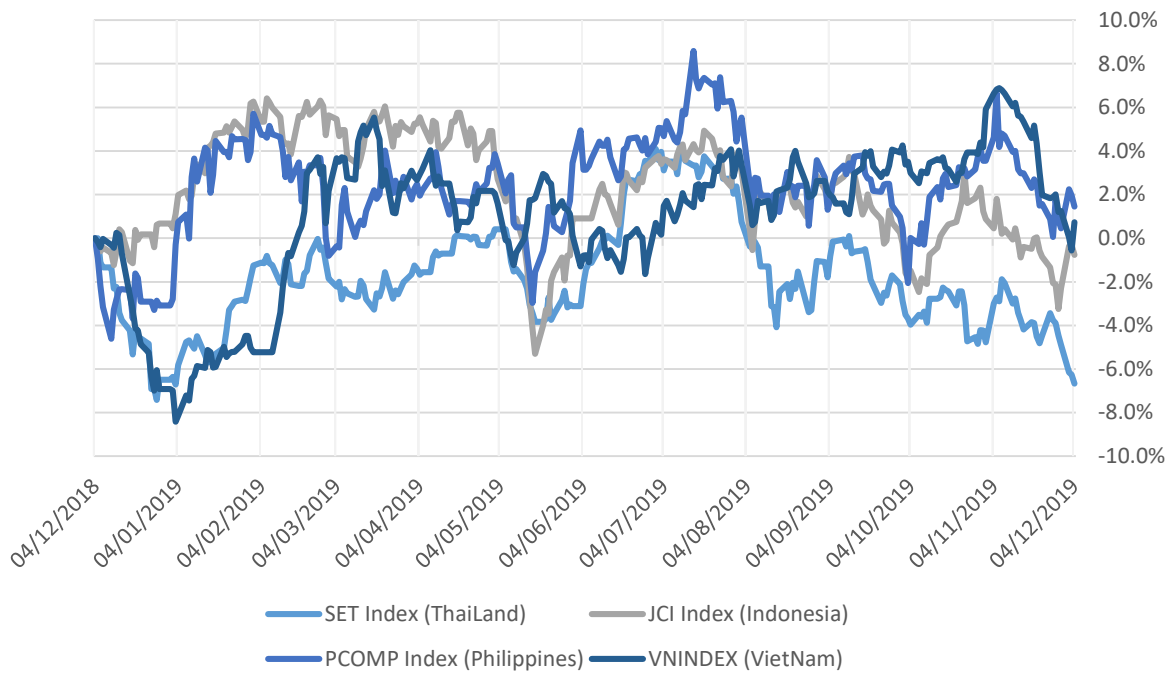


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

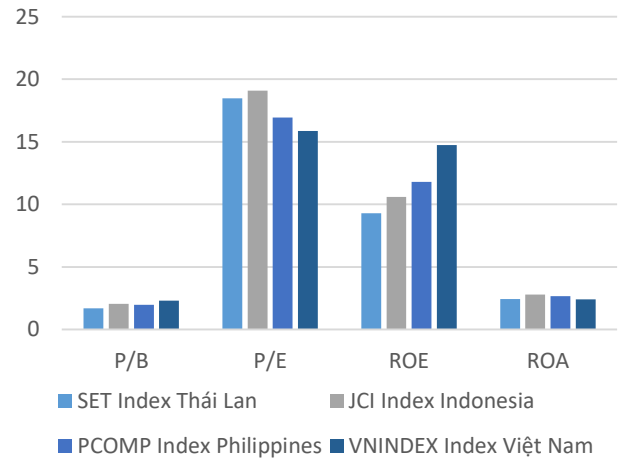
### Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.7x	2.1x	2.0x	2.3x
P/E		18.6x	19.2x	17.0x	15.6x
ROE	%	9.29	10.58	11.79	14.75
ROA	%	2.44	2.78	2.66	2.47
Vốn hóa	Tỷ USD	543.36	501.48	192.51	141.09
GTGD	Triệu USD	1.50	0.33	0.06	0.15
LS cổ tức	%	3.20	2.44	1.59	2.10

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

**Phạm Tấn Phát**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

**Phù Vĩnh Quế**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

**Nguyễn Đức Hoàn**

**Giám đốc trung tâm kinh doanh  
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Đình Tuấn**

**Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng**

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written